

Nghệ thuật vườn truyền thống Việt Nam trong lịch sử vườn cảnh thế giới

Vietnamese traditional gardens: A perspective from the global history of garden art

> THS DOÃN MINH THU^{1,*}, GS.TS.KTS NGUYỄN QUỐC THÔNG², TS PHẠM ANH TUẤN¹

¹Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

²Hội Kiến trúc sư Việt Nam

*Email: thudm@huce.edu.vn

TÓM TẮT

Trong bức tranh toàn cảnh nghệ thuật vườn thế giới, với sự phân tách rõ rệt giữa phương Đông và phương Tây, vườn truyền thống Việt Nam được định vị trong dòng chảy văn hóa Á Đông. Tuy nhiên, dưới tác động sâu sắc từ điều kiện tự nhiên với khí hậu nhiệt đới gió mùa và văn hóa địa phương, vườn Việt mang những sắc thái riêng biệt. Để nhận diện sâu sắc những bản sắc này, nghiên cứu đặt vườn Việt vào hệ quy chiếu so sánh với các nền nghệ thuật vườn cảnh của thế giới. Thông qua phép đối chiếu so sánh, các đặc trưng về nghệ thuật tổ chức không gian và yếu tố cấu thành cảnh quan của vườn cảnh Việt Nam được làm sáng tỏ.

Từ khóa: Nghệ thuật; vườn cảnh; vườn truyền thống; vườn Việt.

ABSTRACT

Within the global picture of garden art which is characterized by a distinct bifurcation between Eastern and Western traditions, the Vietnamese traditional garden is situated within the broader cultural scene of East Asia. Nevertheless, under the profound influence of tropical monsoon climatic determinants and localized cultural paradigms, Vietnamese gardens exhibit unique nuances. To clarify and deeply understand these identities, this study contextualizes the Vietnamese traditional garden within a comparative framework alongside prominent global garden traditions. Through cross-comparative analysis, the morphological characteristics of spatial organization and the constituent landscape elements of Vietnamese gardens are clarified.

Keywords: Art; garden art; traditional garden; Vietnamese garden.

1. MỞ ĐẦU

Lịch sử kiến trúc cảnh quan thế giới đã chứng kiến một quá trình phát triển lâu dài và rục rờ của nghệ thuật vườn cảnh - đã kết tinh thành những mẫu vườn tiêu biểu mang giá trị đặc sắc. Trải qua thời gian, những khu vườn lịch sử này đã vươn tầm trở thành các sản phẩm đại diện về văn hóa, là những thương hiệu đầy tự hào - phản ánh trí tuệ, tinh thần và bản sắc của các nền văn minh lớn, các quốc gia và dân tộc. Hệ thống giá trị nghệ thuật đặc trưng của các mẫu vườn này nổi tiếng khắp thế giới, đã được định danh, phân tích và hệ thống hóa qua khối lượng đồ sộ các công trình nghiên cứu, sách xuất bản và bài báo khoa học uy tín trong nước và quốc tế qua nhiều năm nay. Trong khi đó, nghệ thuật vườn truyền thống Việt Nam cũng hiện hữu với những nét đặc sắc riêng biệt, có triết lý sống và tư duy thẩm mỹ của người Việt. Để định vị và làm nổi bật rõ ràng các giá trị nghệ thuật cốt lõi này, việc nghiên cứu không dừng lại ở mô tả đơn thuần như hiện nay, mà cần nghiên cứu đặt vườn Việt Nam vào một hệ quy chiếu rộng lớn hơn. Thông qua phương pháp

so sánh, đối chiếu với các vườn lịch sử tiêu biểu trên thế giới, diện mạo của vườn Việt Nam sẽ được làm rõ. Từ đó khẳng định vị thế và định hướng cho việc kế thừa bản sắc truyền thống này trong các thiết kế cảnh quan đương đại.



Nghệ thuật thể hiện qua các khu vườn dân gian

2. VƯỜN PHƯƠNG ĐÔNG

Sự hình thành khu vực vườn Tây Á và Đông Á. Nếu như vườn Đông Á (hay Á Đông) điển hình là các vườn Trung Hoa, Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam là nơi hội tụ các nền văn hóa triết lý tự nhiên, thì vườn Tây Á chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Ba Tư/Hồi giáo khá riêng biệt, rất khác so với những khu vực còn lại [4].

2.1. Nghệ thuật vườn Tây Á

Vườn Tây Á so với vườn truyền thống Việt Nam là một nét tương phản, đối lập hoàn toàn về tư duy và hình thái do sự khác biệt khắc nghiệt về văn hóa và khí hậu. Vì khu vực này chủ yếu là sa mạc khô cằn, nên vườn mang tính hướng nội và nhân tạo cao. Lịch sử phát triển vườn Tây Á gắn với sự thăng trầm của các đế chế, liên tục từ thời kỳ cổ đại đến trung đại. Ở nền văn minh cổ đại đầu tiên, các quốc gia phát triển độc lập trên các dòng sông lớn, điển hình là Ai Cập (gắn với lưu vực sông Nile) và Lưỡng Hà (vùng địa lý giữa sông Tigris và Euphrates, trong đó có Babylon là đế chế nằm trong vùng này). Thời kỳ này, vườn bắt nguồn từ sự thực dụng và thích ứng sinh tồn. Nghệ thuật vườn thể hiện ở chỗ:

Vườn Ai cập cổ đại: có tính hướng nội, bao bọc bên ngoài là lớp tường dày và cao. Bố cục khuôn viên mang tính đối xứng và nhấn mạnh trục dọc chính [6]. Sân vườn có dạng hình học qua trục trung tâm với các tuyến đường dạo. Ở giữa là hồ nước và hàng cây trồng thẳng tắp có tính trật tự.

Vườn Lưỡng Hà cổ đại (Babylon): được hình thành trên cơ sở kiến trúc đắp nền cao thành Zigurat, được chia thành nhiều tầng theo cấu trúc tầng bậc (gọi là vườn treo). Điển hình nhất là vườn của hoàng hậu Semiramis có dạng hình học, giạt cấp, các tầng sân có vườn mô phỏng dạng một khu thiên nhiên rộng lớn với nhiều cây to. Vườn Lưỡng Hà chú ý cải tạo địa hình, tạo bố cục không gian đa dạng, mặt nước ở dạng thác hoặc suối [5].

Khi đế chế Ba Tư cổ đại chinh phục cả khu vực Ai Cập lẫn Lưỡng Hà, đã gom tinh hoa của hai nền văn minh này cộng lại thành vườn Ba Tư cổ đại. Vườn lúc bấy giờ được đột phá bằng phương pháp xây dựng kỹ thuật, phát triển hệ thống thủy lợi ngầm, tạo ra các khu vườn xanh tươi giữa vùng đất khô cằn, điều mà trước đây các văn minh cổ đại vốn dựa vào sông lớn, chưa làm được vườn ở khu vực xa nguồn nước. Chính vì vậy mà hình thành ra mô hình vườn đầu tiên có rãnh nước chia làm 4 (là tiền thân của Chahar Bagh).

Tiếp đến khi người Ả Rập chinh phục Ba Tư, Đạo Hồi ra đời, đã tôn giáo hóa hình thức và gán ý nghĩa biểu tượng cho vườn Ba Tư cổ đại trước đây. Người Ả Rập vốn du mục sa mạc, không có truyền thống làm vườn lâu đời nhưng lại có đức tin mạnh mẽ. Trùng hợp các hình thức kênh nước chia vườn làm 4 phần của Ba Tư cổ đại giống với mô tả vườn địa đàng, thiên đường gọi là "Jannah" - được nhắc đến trong kinh Qur'an, nên người Hồi giáo đã giữ nguyên hình thức của vườn Ba Tư cổ đại và thần thánh hóa, bổ sung thêm yếu tố tinh thần, tư tưởng của Đạo Hồi vào trong vườn.

Vườn Ba Tư - Hồi giáo có những nét nghệ thuật tiêu biểu là:

- **Cấu trúc Chahar Bagh:** Hình thức chia làm 4 phần ô vuông bằng nhau, thể hiện cho bốn mùa hoặc bốn yếu tố: nước, gió, đất và lửa [12]. Giao cắt bởi 2 trục kênh nước vuông góc tạo thành 4 nhánh tượng trưng cho niềm tin về 4 dòng sông, suối trong vườn Địa Đàng là sữa, mật ong, rượu và nước.

- **Hình học tuyệt đối:** Bố cục tuân thủ sự nghiêm ngặt, trật tự.

- **Nước là giá trị biểu tượng thiêng liêng:** được chứa trong các bể cảnh, kênh ở những vị trí trang trọng, là tài nguyên kho báu trong cái nóng khắc nghiệt, thường xuất hiện cực kỳ chất lọc ở dạng tĩnh (tính phản chiếu) hoặc vòi phun nhỏ (tiếng róc rách) chứ không mệnh mông bạt ngàn như hồ phương Đông.

- **Tính đóng kín:** không gian vườn có tường xây bao quanh để ngăn gió cát và tạo ra một sân trong mô phỏng thiên đường nhân tạo - thể hiện cho vườn là nơi trú ẩn riêng biệt, tách hẳn với thế giới

khắc nghiệt bên ngoài [9, 10].

Sự lan tỏa của nghệ thuật vườn Tây Á (Hồi giáo) sang châu Âu: Sau khi định hình xong mô hình chuẩn vườn Hồi giáo, hình thức và triết lý này đã lan tỏa theo bước chân của Đế chế Hồi giáo ra khắp khu vực, trong đó có các nhánh địa lý lớn. Mặc dù những nước này cùng ảnh hưởng gốc rễ Tây Á/Hồi giáo, nhưng mỗi nơi lại biến đổi khu vườn để phù hợp với điều kiện tự nhiên của mình.

Nhánh gốc rễ nguyên gốc: Là khu vực Trung Đông (Vườn Iran): là cái nôi nguyên bản của vườn Ba Tư, lưu giữ những khu vườn thể hiện sự chuẩn mực tuyệt đối về cấu trúc Chahar Bagh (vườn Fin (Kashan), vườn Eram (Shiraz)).

Nhánh phương Tây của thế giới Hồi giáo: Lan tỏa sang khu vực Đông Âu bao gồm Vườn Thổ Nhĩ Kỳ, Bulgaria, Bosnia, các nước vùng Balkans... Khác với sự nghiêm cẩn nguyên gốc, ở đây lại thể hiện sự phóng khoáng của vùng Địa Trung Hải - ảnh hưởng bởi nền văn hóa du mục và địa hình dốc eo biển, nên có tầm nhìn rộng ra biển hoặc cảnh quan bên ngoài (không đóng kín hay hướng nội). Mặc dù gốc rễ là vườn Hồi giáo phương Đông nhưng vì chịu ảnh hưởng từ phong cách vườn phương Tây (Baroque, Rococo) nên chúng tạo thành kiểu vườn mới (vườn Cung điện Topkapı (Istanbul)).

Nhánh lan tỏa sang khu vực Bắc Phi và Địa Trung Hải: Bao gồm vườn Tây Ban Nha, Maroc, Tunisia (người Moorish). Văn hóa Hồi giáo Trung Đông pha trộn với yếu tố bản địa tạo nên những vườn có họa tiết hình học phức tạp, thể hiện sự tinh xảo tại các sân trong (patio), với trang trí gạch gốm, vòi phun nước nhỏ (Alhambra & Generalife (Granada)).

Nhánh lan tỏa sang khu vực Nam Á bao gồm vườn Ấn Độ (Đế chế Mughal): Vì là vùng đồng bằng rộng lớn và có nhiệt độ nóng ẩm nên nghệ thuật vườn Hồi giáo được phóng to thành quy mô lớn, thể hiện cho sự hoành tráng tạo thị giác mạnh. Ở giữa là công trình lăng tẩm mang tính tưởng niệm. Mặt nước dạng tĩnh quy mô lớn. Vật liệu sử dụng đá cẩm thạch thay cho gạch gốm thể hiện cho quyền lực, tinh xảo (vườn Taj Mahal (Agra), vườn Shalimar (Lahore, Pakistan), Lăng Humayun (Delhi)).

2.2. Nghệ thuật vườn Đông Á

Vườn Trung Quốc: Sự phát triển nghệ thuật vườn Đông Á khởi nguồn từ cái nôi Trung Hoa cổ đại và lan tỏa, biến đổi khi du nhập vào các quốc gia trong khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam ... Trung Quốc là nơi định hình các nguyên tắc tổng hòa giữa kiến trúc, hội họa, thư pháp, thi ca và tư tưởng triết lý của vườn Á Đông. Người Trung Quốc xem khu vườn là một bức tranh thủy mặc - nơi họ thu nhỏ vũ trụ bao la vào một không gian giới hạn. Chính vì vậy, vườn Trung Quốc chú trọng mô phỏng vẻ đẹp tự nhiên thông qua sự đan xen của đồi núi, mặt nước và thảm thực vật, hướng tới sự hòa hợp giữa con người và thiên nhiên, tạo cảm giác hư thực thực hư, gần mà xa là nét bút pháp tả ý đặc trưng của dòng vườn này [5], lấy vật thể hữu hình để mô tả những yếu tố vô hình [6].

Vườn Nhật Bản: Tiếp thu và chịu ảnh hưởng của nghệ thuật Trung Quốc, vườn Nhật Bản đã nhanh chóng tách ra để phù hợp với thiên nhiên, triết lý của mình. Vườn là sự cô đọng, tối giản, thiên tịnh, mang tính biểu tượng cao dù một số vườn có quy mô rất bé [5, 6]. Mục đích chủ yếu là để ngồi ngắm, thiền, trà đạo, một số để dạo chơi. Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên ở đây không phải là một sự chế ngự mà thể hiện ước muốn hài hòa. Thủ pháp vườn Nhật đạt đến đỉnh cao của trừu tượng hóa thiên nhiên (không dùng nước thật mà dùng cát sỏi để tượng trưng, dùng đá tảng để tượng trưng cho núi đảo, dùng rêu để tượng trưng cho cánh rừng). Chất cảm nhấn mạnh sự mộc mạc, rêu phong, tĩnh tế, nhẹ nhàng (vườn đá chùa Ryoan-ji).

3. NGHỆ THUẬT VƯỜN PHƯƠNG TÂY

3.1. Vườn Hy Lạp - La mã trong vườn cảnh phương Tây

Vườn Hy Lạp: Người Hy Lạp cổ đại với tư duy dân chủ và triết học duy lý, đã tập trung vào tính công cộng của không gian (nơi bắt nguồn vườn công cộng đầu tiên trên thế giới), thể hiện cuộc sống sinh hoạt cộng đồng, gắn với các công trình công cộng (đền thờ, tu viện, nhà hát, học viện, phòng tập ...) không quá chú trọng các vườn tư gia cầu kỳ. Thời kỳ này, người Hy Lạp thần thánh hóa tự nhiên (các vị thần) và đề cao các không gian trí tuệ (trong xã hội có nhiều nhà triết gia). Hình thức nghệ thuật theo đuổi tự nhiên, bố cục tự do [5], gắn bó mật thiết với điều kiện tự nhiên [6]. Việc đưa thiên nhiên vào trong khung cảnh của thành phố vẫn còn rất hạn hữu [11].

Vườn La Mã: Người La Mã cổ đại với tư duy của đế chế đi chinh phục, chinh chiến quân sự khác người Hy Lạp ở chỗ tôn sùng sức mạnh, quyền uy và sự xa hoa, nên đưa vườn vào tư gia để tận hưởng cuộc sống, nghỉ dưỡng và tổ chức các yến tiệc. Nghệ thuật vườn thể hiện ở tính chất làm chủ tự nhiên, có tính khuôn khổ, trật tự và quyền lực. Hình thức sắp xếp thẳng hàng, có tính dẫn hướng, cây xanh cắt tía hình khối. Vườn cổ đại La Mã mang tính thực dụng và thẩm mỹ cao (trồng nhiều loại cây ăn quả và các cây bóng mát đẹp). Các sân rộng phục vụ cho xe ngựa hay kiệu, tổ chức nhu cầu giải trí: nuôi thú rừng, gia cầm, dạo chơi, hồ nước, đua ngựa, xiếc (một số vườn diện tích có thể lên đến vài trăm hecta) [5].

Sự khác biệt của vườn Hy Lạp cổ đại so với vườn La Mã là tư duy về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên. Trong khi vườn Hy Lạp hướng tới sự hài hòa với thiên nhiên thì vườn La Mã có xu hướng tạo dựng thiên nhiên một cách hoành tráng.

3.2. Vườn Phương Tây qua các giai đoạn phát triển

Vườn thời kỳ trung đại châu Âu: Khác với sự phô trương, hoành tráng của La Mã trước đó, thời kỳ này chủ yếu là phòng thủ, tường thành kiên cố, khép kín thu mình lại vì xảy ra loạn lạc, chiến tranh giữa các lãnh chúa. Thiên Chúa giáo ảnh hưởng toàn bộ đời sống tinh thần của cộng đồng xã hội. Vườn ở đây cũng như một loạt các nghệ thuật khác, phục vụ cho nhà thờ. Các tu viện trở thành nơi lưu giữ tri thức và nghệ thuật vườn - không chỉ cung cấp nông phẩm mà còn là nơi cầu nguyện [6]. Về sau, khi xuất hiện của các đế chế phong kiến thì nghệ thuật vườn mới thể hiện lại tính chất quý tộc của nó. Quy mô vườn trung đại châu Âu nhỏ hơn so với vườn cổ đại, được bao bọc bởi những bức tường lớn.

Vườn thời kỳ Phục hưng: Bắt đầu tại Ý, nơi các gia tộc, gia đình thương nhân giàu có khẳng định lại vị thế nghệ thuật, khôi phục vẻ đẹp và trật tự của La Mã cổ đại, nhưng theo tư duy chủ nghĩa nhân văn - nơi con người trở thành trung tâm thay vì thần thánh. Vườn Phục hưng Ý phá vỡ các bức tường trung cổ, mở rộng tầm nhìn ra phong cảnh xung quanh. Do địa hình đồi núi ở Ý, những khu vườn này thường giạt cấp kiểu vồn có từ thời La Mã cổ đại. Bố cục hình học nhưng không quá chặt chẽ, tổ hợp khá tự do, không có trục chủ đạo. Các hạt nhân là công trình không chiếm vị trí quá độc tôn. Kết hợp với trang trí nghệ thuật điêu khắc tinh xảo như đài phun nước, thác nước, bể nước, tượng ... [11].

Vườn thời kỳ Baroque, Rococo: Là giai đoạn đỉnh cao quyền lực của nhà vua (vua Louis XIV - Pháp). Vườn trở thành một sản phẩm phô trương sức mạnh tuyệt đối, kiểm soát thiên nhiên và con người. Chính vì vậy, vườn Baroque Pháp là tiêu biểu nhất, có quy mô cực lớn, áp chế con người, mặc dù tiếp tục phát huy những ưu việt của vườn Ý nhưng lộng lẫy, xa hoa và cầu kỳ trong thủ pháp nhân tạo hoá thiên nhiên. Cùng sự phát triển của khoa học, luật xa gần phối cảnh, toán học ảnh hưởng đến tỷ lệ vàng và hình học, tuân thủ các nguyên tắc đối xứng, trục thẳng đạo. Khóm cây được xén tía, mặt nước phẳng lặng như gương, trải dài rộng bao la thể hiện sự vô tận. Việc sử dụng đài phun nước hay thác nước trong vườn Baroque Pháp rất ít (điểm khác biệt lớn với vườn Ý). Cùng những bức tượng

theo chủ đề thần thoại, hướng tới sự huyền ảo của không gian [11].

Thời kỳ Rococo, các quy tắc hình thức cứng nhắc và phô trương của Baroque giảm xuống, giới quý tộc hướng tới cuộc sống cá nhân tư mật, nhẹ nhàng và vui tươi hơn. Bố cục vườn có tính mềm mại, phi đối xứng, phá bỏ các trục thẳng tắp thay bằng đường cong uốn lượn. Quy mô vườn nhỏ và thân mật hơn, có tính đậm đạo thay vì điều hành.

Vườn thời kỳ cận đại: Chứng kiến sự ra đời của vườn cổ điển Anh và sau đó là các công viên công cộng. Vườn cổ điển Anh ban đầu chịu ảnh hưởng bởi vườn Pháp, nhưng sau đó cuộc cách mạng công nghiệp khiến đô thị hóa mạnh mẽ làm cho các thành phố bị ô nhiễm, mật độ chật chội. Dẫn đến nhu cầu cấp thiết về không gian xanh lớn. Nghệ thuật vườn phương Đông đã du nhập và ảnh hưởng đến vườn Anh, tạo ra chủ nghĩa lãng mạn, gắn gũi với vùng nông thôn nước Anh, phản ứng lại sự cứng nhắc vốn có của thời kỳ trước. Đặc trưng là tôn trọng tự nhiên, sử dụng các đường uốn lượn, mềm mại tạo ra nét đẹp như tranh, phong cảnh tự nhiên [8].

4. MỐI QUAN HỆ VÀ SỰ LAN TỎA CỦA NGHỆ THUẬT VƯỜN PHƯƠNG ĐÔNG VÀ PHƯƠNG TÂY ĐẾN VƯỜN TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

Vườn truyền thống Việt Nam là kết quả của quá trình tiếp biến văn hóa mạnh mẽ qua hàng nghìn năm. Vị trí địa lý nằm ở nơi giao thoa của các luồng văn minh (Trung Hoa từ phía Bắc, Champa/Ấn Độ từ phương Nam, Pháp từ phương Tây) đã tạo nên sự giao thoa đa tầng [1, 7].

Trong đó, sự lan tỏa từ Trung Hoa, nền văn hóa phương Đông rất sâu sắc. Cùng với các quốc gia khác trong khu vực đã chia sẻ một nền tảng tư tưởng Á Đông định hình nên bản sắc cơ bản của vườn Việt. Việt Nam theo trục từ phía Bắc đã tiếp nhận hệ tư tưởng Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo [3] - tạo nên bộ khung lý thuyết cho vườn Việt, đặc biệt là các vườn của tầng lớp quan lại, quý tộc, nhà nho, vườn tín ngưỡng - tôn giáo ở miền Bắc. Do vị trí địa lý tiếp giáp, miền Bắc là nơi thấm thấu tính niệm luật phong kiến phương Bắc. Khi di chuyển về phương Nam, nơi này đã tiếp nhận văn hóa Ấn Độ qua Srilanka, Myanmar rồi đến Việt Nam, hội tụ tại miền Trung (văn hóa Champa) và miền Nam (văn hóa người Khmer). Sự va chạm với các luồng văn hóa và gặp điều kiện tự nhiên trù phú vùng sông nước, vườn Việt đã được cởi mở và mềm hóa tính niệm luật của phương Bắc. Giai đoạn thuộc địa, mô hình vườn tước ảnh hưởng bởi phương Tây, tạo ra phong cách Đông Dương, chủ yếu gắn với dinh thự, biệt thự, vườn hoa công viên trong đô thị.

Mặc dù giao thoa là vậy, nhưng vườn truyền thống Việt Nam lại hiện lên riêng biệt dù có chịu ảnh hưởng [2], nhờ điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa và cuộc sống gắn liền với văn hóa lúa nước, sản xuất nương tựa vào tự nhiên. Nguồn gốc kinh tế thuần nông, giao thương với thị trường bên ngoài còn hạn chế, chủ yếu tự cung tự cấp nhờ vào sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi đã tạo ra nghệ thuật vườn Việt có tính sinh kế thực dụng. Cộng thêm triết lý hài hòa và sự gắn bó, yếu tố thiên nhiên đã phản ánh qua các khu vườn lịch sử ở nhiều giai đoạn, vùng miền và con người tạo ra nó.



Mặt nước trong vườn truyền thống Việt Nam



Sân đình trong vườn truyền thống Việt Nam

Một số so sánh đặc tính nghệ thuật vườn truyền thống Việt Nam với các vườn lịch sử trên thế giới

| Các đặc tính nghệ thuật | Các vườn tiêu biểu trên thế giới | | | | | | | | | | | VƯỜN TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM | |
|---------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------|---------------|---------------|--------------------|-------------------|-----------------------|------------------|----------------------------|-------------------|
| | Vườn Ai Cập cổ đại | Vườn Lăng mộ Hi Lạp cổ đại | Vườn Ba - Tư Hồi giáo | Vườn Địa Trung Hải | Vườn Trung Quốc | Vườn Nhật Bản | Vườn Hồi Quốc | Vườn Hy Lạp cổ đại | Vườn La Mã cổ đại | Vườn Trung Âu Châu Âu | Vườn Phục hưng Ý | | Vườn Baroque Pháp |
| KÍCH THƯỚC | Quy mô lớn, hoành tráng, trải dài | • | • | • | | | | | | | | • | • |
| ĐÔNG MỘ KHÔNG GIẢN | Quy mô trung bình nhỏ, tỷ lệ gần gũi | • | | • | • | • | • | • | • | • | • | | • |
| BỐ CỤC | Hướng nội, đóng kín, riêng tư | • | • | • | | | | | | | | | • |
| | Hướng mở, rộng rãi, thoáng khoáng | | | | • | • | • | • | • | • | • | • | • |
| TẠO HÌNH | Đối xứng trục | • | • | • | • | • | • | • | • | • | • | • | • |
| | Phi đối xứng, tự do | | | | | | • | • | • | • | • | • | • |
| TRẠNG THÁI | Hình học, nhân tạo, cắt tỉa | • | • | • | | | | | | | | | • |
| | Hài hòa, tự nhiên | | | | • | • | • | • | • | • | • | • | • |
| | Tăng bậc, gập gập | | • | | | | | | | | • | | |
| CHI TIẾT, CHẤT CẨM | Tính động (mặt nước dạng thác, suối) | | • | | | | | | | | • | | |
| | Tính tĩnh lặng (mặt nước dạng kính, phẳng) | • | • | • | • | • | • | • | • | • | • | • | • |
| | Cầu kỳ, tinh xảo, hoa tiết phức tạp | • | • | • | • | • | • | • | • | • | • | • | • |
| | Đơn giản, thô mộc, bình dị, dân dã | • | | | | • | • | • | • | • | • | • | • |
| CHỦ ĐỀ | Lãng mạn, tự nhiên, hài hòa, nhẹ nhàng, tinh tế | | | | • | • | • | • | • | • | • | • | • |
| | Tôn giáo hòa bình thực | • | • | | | | | | | | | | • |
| | Cổ động, tôn giáo, thần thánh, tinh lãng, biểu tượng cao | | | | | • | | | | | | | |
| | Huyền ảo, thần thoại | | | | | | | | | • | • | • | |
| MỤC ĐÍCH | Thích ứng sinh tồn, thực dụng | • | | | | | | | | | • | | • |
| | Tưởng niệm | • | • | | | | | | | • | • | • | • |

Chú thích: Các đánh dấu • là kết quả so sánh giữa các vườn tiêu biểu của lịch sử thế giới với nhau với vườn truyền thống Việt Nam, theo khảo sát, nhận định, nghiên cứu của tác giả.

Một số nhận định:

Về mặt kích thước: vườn Việt thiên về quy mô trung bình, nhỏ, diện tích vừa phải, tỷ lệ gần gũi và tầm thước người Việt. Không gian tuy nhỏ nhưng có chiều sâu. Không theo đuổi sự hoành tráng, đồ sộ hay chói ngợp. Các phân khu được chia nhỏ, dẫn dắt nhẹ nhàng từng lớp lang xen kẽ, không có các trục dài hay các nút mở lớn.

Về mặt cấu trúc không gian: vườn Việt có tính đóng mở liên hoàn, tạo nhịp điệu không gian, hiếm khi phô bày cùng một lúc, có tính chất hướng nội, khép kín, riêng tư nhiều hơn. Thường được bao bọc bởi tường rào hoặc ngăn cách mềm, quây quần xung quanh nhà. Hướng nhìn chủ yếu là từ nhà nhìn ra (hướng nội) để gia chủ thường ngoạn nhiều hơn là để người ngoài trầm trồ.

Về bố cục và tạo hình: vườn Việt xen lẫn cả hình thức kỷ hà lẫn mềm mại, phản ánh sự cân bằng giữa tính trật tự và tự nhiên. Tùy theo yếu tố cấu thành như yếu tố sân vườn thủ nguyên tắc đối xứng trục và hình học vuông vức, còn vườn và mặt nước ở trạng thái mềm mại, tự do.

Về trạng thái: các yếu tố như cây xanh, mặt nước dạng hồ, suối hay sông ở dạng chảy hay tĩnh phẳng thì vẫn hướng đến cảm giác

thiên về thư thái, cân bằng.

Về mức độ chi tiết: vừa tinh xảo, chi tiết nhưng cũng rất đời thường và bình dị.

Về chủ đề: đề cao tính trữ tình, hài hòa và lãng mạn, hướng đến vẻ đẹp nhẹ nhàng, tinh tế thay vì sự phô trương hình thức, ẩn chứa một tầng nghĩa sâu sắc về các quy ước, hệ tư tưởng và tín ngưỡng tôn giáo.



Tạo hình nghệ thuật trong vườn truyền thống Việt Nam

5. KẾT LUẬN

Về nguồn gốc: Nghệ thuật vườn phương Đông và phương Tây là sự kết tinh của lịch sử, được định hình bởi các yếu tố địa lý, khí hậu và hệ tư tưởng văn hóa đặc thù của từng khu vực. Chính sự khác biệt trong hệ quy chiếu văn hóa này đã tạo nên giá trị nghệ thuật vườn đa dạng, đối lập nhưng bổ trợ cho nhau trong bức tranh nghệ thuật vườn cảnh thế giới.

Về tiến trình lan tỏa: Sự khuếch tán văn hóa, dòng chảy nghệ thuật không bị giới hạn bởi biên giới lãnh thổ mà theo quy luật lan tỏa đa chiều, từ phương Đông sang phương Tây và ngược lại. Trong tiến trình giao lưu đó, Việt Nam đóng vai trò là một điểm mắt xích trong mạng lưới văn hóa.

Về kết quả tiếp nhận và chuyển hóa: Nghệ thuật vườn truyền thống Việt Nam đã chủ động tiếp thu một cách hài hòa, có chọn lọc và bản địa hóa để phù hợp với điều kiện tự nhiên và tâm thức người Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đào Duy Anh (1938), Việt Nam Văn hoá sử cương, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2]. Nguyễn Cao Luyện (1977), Từ những mái nhà tranh cổ truyền, NXB Văn hóa.
- [3]. Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kỵ và Phạm Ngọc Long (1993), Chùa Việt Nam NXB Thế giới.
- [4]. Doãn Minh Thu, Nguyễn Quốc Thông và Phạm Anh Tuấn (2023), "Xu hướng khai thác giá trị nghệ thuật vườn truyền thống trong thiết kế cảnh quan đương đại ở Việt Nam", Chương III, thuộc Sách "Xu hướng Kiến trúc cảnh quan Việt Nam", NXB Xây dựng, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Thị Thanh Thủy và Tôn Ánh Hồng (2019), Kiến trúc cảnh quan Việt Nam truyền thống và hiện đại, NXB Xây dựng, Hà Nội, 193.
- [6]. Phạm Anh Tuấn và Lê Khánh Ly (2020), Lịch sử Vườn cảnh, NXB Xây dựng, Hà Nội, 150.
- [7]. Trần Quốc Vương (2006), Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB Giáo dục.
- [8]. Edge T.O. và các cộng sự. (1994), Garden Architecture in Europe, Taschen.
- [9]. Leila Mahmoudi Farahani, Bahareh Motamed và Elmira Jamei (2016), "Persian Gardens: Meanings, Symbolism, and Design", Journal of the International Association for Landscape Ecology - Regional Chapter Germany (IALE-D). 46, pp.1-19.
- [10]. A. Massoudi (2009), "Acquaintance with Iranian Gardens Bagh-e Shazdeh." Faza Publication, Teheran.
- [11]. Ozhegov S.S. (1994), Lịch sử Kiến trúc Cảnh quan - History landscape architecture for S.S. Ozhegov. Moscow: Arkhitektura-S, 2004. - 232 p., BM KTCQ, ĐHK T Matxcova.
- [12]. Karimi-Hakkak A. (1998), "Persian Tradition", trong Richard G. Hovannisian và Georges Sabagh (chủ biên), The Persian Presence in the Islamic World, Cambridge University Press, pp.88-106.